

Số: 56 /TB-STNMT

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 6 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá tại phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đợt 1 năm 2022;

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế thông báo công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

**1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:**

- Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Địa chỉ: 115 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

**2. Thông tin về khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá:**

- a) Tổng số gồm 07 khu vực đất làm vật liệu san lấp. Trong đó:
- 06 khu vực chưa thăm dò khoáng sản;
  - 01 khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản.
- b) Thông tin về các khu vực đấu giá như vị trí, ranh giới, diện tích, tài nguyên dự báo, giá khởi điểm được thể hiện ở Phụ lục I kèm theo.

Tổng giá khởi điểm (tính theo tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) của 07 khu vực đưa ra đấu giá: 7.267.116.000 đồng (làm tròn) (*Bằng chữ: Bảy tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm mười sáu nghìn đồng chẵn*). Trong đó:

- 06 khu vực chưa thăm dò khoáng sản có tổng giá khởi điểm (*tạm tính*) là: 6.038.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn*).
- 01 khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản có giá khởi điểm là: 1.229.116.000 (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn đồng chẵn*).

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, bao gồm:**

Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Điều

3 và Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể theo Phụ lục II đính kèm.

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

4.1. Thời gian nộp hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể: từ 7 giờ 30 phút ngày 03/6/2022 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/6/2022, trừ những ngày thứ 7, chủ nhật và ngày nghỉ lễ (nếu có) (trong giờ hành chính).

Hồ sơ phải được niêm phong (có đóng dấu của tổ chức đấu giá tài sản) và nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ 00, của ngày kết thúc thông báo).

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ: 115 Nguyễn Huệ, thành phố Huế. Điện thoại: 0234.3822426.

Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân (chú ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn).

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Công TTĐT Quốc Gia về ĐGTS- BTP;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tin);
- Báo Thừa Thiên Huế
- GD và các PGD Sở;
- Văn phòng Sở;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, QLTN.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Bá Phúc**

**PHỤ LỤC I****Danh mục khu vực khoáng sản đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đợt 1 năm 2022***(Kèm theo Thông báo số 56/TB-STNMT ngày 02/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế)***I. KHU VỰC CHƯA THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

<b>T T</b>	<b>Tên loại khoáng sản, vị trí mỏ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tài nguyên dự báo (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Giá khởi điểm R<sub>ag</sub>=mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)</b>	<b>Giá khởi điểm Tạm tính (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Tiền đặt trước (15% giá khởi điểm tạm tính) (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Bước giá=10% mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực Đồi Kiền Kiền, xã Phong Thu, huyện Phong Điền	23,77	1.500.000	3%	1.340.085.000	201.013.000	0,3%	
2	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực vị trí 2, thôn Phường Hóp, xã Phong An, huyện Phong Điền	10,0	522.471	3%	466.771.000	70.016.000	0,3%	
3	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy	15,0	1.200.000	3%	1.128.492.000	169.274.000	0,3%	
4	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực đồi Trốc Voi 1, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	14,0	1.500.000	3%	1.410.615.000	211.593.000	0,3%	

<b>T T</b>	<b>Tên loại khoáng sản, vị trí mỏ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tài nguyên dự báo (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Giá khởi điểm R<sub>g</sub>=mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)</b>	<b>Giá khởi điểm Tạm tính (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Tiền đặt trước (15% giá khởi điểm tạm tính) (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Bước giá=10% mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực đồi Trốc Voi 2, phường Thủy Phương, Hương Thủy	15,0	1.000.000	3%	940.410.000	141.062.000	0,3%	
6	Mỏ đất làm VLSL tại khu vực vùng đồi 1, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	9,5	800.000	3%	752.328.000	112.850.000	0,3%	

## II. KHU VỰC ĐÃ CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

<b>TT</b>	<b>Tên khu vực (Vị trí mỏ)</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Trữ lượng đã được phê duyet (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Giá khởi điểm = Tiền cấp quyền KTKS (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Tiền đặt trước (15% giá khởi điểm (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Bước giá=10% giá khởi điểm (làm tròn) (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Mỏ đất làm VLSL khu vực đồi Trốc Voi 1, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	14,7	1.318.240,64	1.229.116.000	184.367.000	122.912.000	

**PHỤ LỤC II****Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

(Kèm theo Thông báo số 56/TB-STNMT ngày 02/6/2022  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế)

<b>TT</b>	<b>TIÊU CHÍ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	
1	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	
2	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	
3	<i>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</i>	
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	

<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</i>	
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</i>	
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i>	
4	<i>So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i>	
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i>	
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i>	
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i>	
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	
<b>IV</b>	<b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b>	
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<b>Đủ điều kiện</b>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<b>Không đủ điều kiện</b>